

BÁO CÁO

Công tác bảo vệ môi trường năm 2025

THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất: Nhà máy nước Cần Thơ 1 trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.
- Địa chỉ: Số 298, đường 30/4, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
- Điện thoại: 02923 810 188.
- Người đại diện: Ông Nguyễn Tùng Nguyên.
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác, xử lý nước phục vụ cấp nước sinh hoạt; Quy mô/Công suất: 78.000 m³/ngày đêm. Tần suất hoạt động: thường xuyên.
- Giấy phép đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 13, ngày 06 tháng 8 năm 2025. Mã số thuế: 1800155244.
- Giấy phép môi trường số: 17/GPMT-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2025 cơ quan cấp là Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ.
- Khối lượng sản phẩm: 63.146 m³/ngày đêm (năm 2024);
58.855 m³/ngày đêm (năm 2025).
- Điện tiêu thụ: (4,75 triệu kw năm 2024) (4,47 triệu kw năm 2025).
- Hoá chất tiêu thụ: PAC (170.877 kg năm 2024) (154.488 kg năm 2025);
Clo (44.436 kg năm 2024) (45.088 kg năm 2025).

Kết quả hoạt động các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

1.1. Xử lý nước thải

- Liệt kê các công trình xử lý nước thải: 01 bể tự hoại 03 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt, 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt: 547,5 m³ (1,5 m³/ngày đêm) năm 2024;
547,5 m³ (1,5 m³/ngày đêm) năm 2025.

Lưu lượng theo thiết kế được phê duyệt: 1,8 m³/ngày đêm.

- Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp: 109,5 nghìn m³ (300 m³/ngày đêm) năm 2024;
109,5 nghìn m³ (300 m³/ngày đêm) năm 2025.

Lưu lượng theo thiết kế được phê duyệt: 300 m³/ngày đêm.



1.2. Kết quả quan trắc nước thải

1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải sinh hoạt

- Thời gian quan trắc: 04/6/2024 – 02/12/2025
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.
- Vị trí các điểm quan trắc: Tại cống xả thải sau hệ thống xử lý nước thải.
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 02 mẫu.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: Cột A, QCVN 14:2008/BTNMT.
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Cần Thơ (VIMCERTS 131).
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn: *Không có.*

1.2.2. Quan trắc định kỳ nước thải công nghiệp

- Thời gian quan trắc: 04/6/2024 – 02/12/2025
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.
- Vị trí các điểm quan trắc: Tại cống xả thải sau hệ thống xử lý nước thải.
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 02 mẫu.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: Cột A, QCVN 40:2021/BTNMT $K_q=1,2$; $K_f=1,1$.
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Cần Thơ (VIMCERTS 131).
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn: *Không có.*

2. Về công trình bảo vệ môi trường với khí thải

Nhà máy không phát sinh khí thải.

3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

Thông kê CTRSH:

TT	CTRSH	Khối lượng (kg/năm 2025)	Tổ chức cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất (kg/năm)
01	Rác sinh hoạt	475	Công ty cổ phần Đô Thị	475

Thông kê CTCNTT:

TT	Nhóm CTCNTT	Khối lượng (m ³ /năm 2025)	Tổ chức cá nhân tiếp nhận CTCNTT	Khối lượng năm gần nhất (kg/năm)
01	Bùn thải đã được phân định là CTCNTT	1.019	Nhà máy xử lý nước thải	1.019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

(0292) 382 1711 - 381 0188

ctncanθο@gmail.com

www.ctn-canθο.com.vn

4. Về quản lý chất thải nguy hại:

Thống kê CTNH: Trong năm 2025 chưa phát sinh CTNH nhiều nên vẫn còn lưu trữ tại nhà chứa CTNH.

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm 2025)	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất (kg/năm)
Giẻ lau	18 02 01	0	TĐ	Công ty TNHH-SX-TM-DV Môi trường Việt Xanh	05
Bóng đèn	16 01 06	0	PT, HR		04
Pin	19 06 01	0	PD		01
Tổng số lượng		0	-		10

(Đính kèm chứng từ)

5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

Nhằm giảm thiểu ô nhiễm đối với nước thải phát sinh tại Nhà máy nước Cần Thơ 1, Công ty Cổ phần cấp thoát nước Cần Thơ có những phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường như sau:

- Khu vực phát sinh nước thải được thiết kế, lắp đặt cống thu gom riêng biệt, dẫn về công trình xử lý nước thải, nhằm đảm bảo thu gom lượng nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Nhà máy.

- Phân công công nhân trực vận hành công trình xử lý nước thải, khi có biểu hiện bất thường nào của công trình xử lý nước thải đều được phát hiện, khắc phục kịp thời.

- Khi có sự cố môi trường xảy ra nhà máy có bố trí người phụ trách để đảm bảo an toàn cho người và tài sản, kịp thời thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước nhanh nhất.

- Trong quá trình hoạt động của nhà máy định kỳ tiến hành lấy mẫu kiểm tra chất lượng nước thải sau xử lý và nước mặt sông Cần Thơ nơi tiếp nhận nước thải tại Nhà máy nước Cần Thơ 1 để kiểm soát, ngăn ngừa các chỉ tiêu ô nhiễm bị vượt và báo cáo về cơ quan quản lý Nhà nước.

5.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường: Trong năm không xảy ra sự cố môi trường./.

Nơi nhận:

- Sở NN&MT TPCT;
- UBND phường Ninh Kiều;
- Lưu: HC, Phòng QLCL&MT.



Huỳnh Thiện Đình



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

(0292) 382 1711 - 381 0188

ctncanthon@gmail.com

www.ctn-canthon.com.vn

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 302/BC-CTN ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở Nhà máy nước Cần Thơ 1 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1221/TTr-SNNMT ngày 14 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ, địa chỉ tại Số 2A, đường Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy nước Cần Thơ 1”, địa chỉ tại Số 298, đường 30 tháng 4, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: Nhà máy nước Cần Thơ 1.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 298, đường 30 tháng 4, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 1800155244 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 6 năm 2004; đăng ký thay đổi lần 12 ngày 15 tháng 7 năm 2022 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

1.4. Mã số thuế: 1800155244.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác, xử lý nước phục vụ cấp nước sinh hoạt trong nhân dân.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Diện tích của cơ sở: Diện tích 27.457,1 m².

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực (ngày 01/01/2022), thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Dự án đầu tư nhóm I, II hoặc III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP: Cơ sở đã được phê duyệt Bản cam kết môi trường số 01/PXN-UBND ngày 08/01/2009 của Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (nay là phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ).

- Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này

+ Quy mô, công suất nhà máy: 78.000 m³/ngàyđêm.

+ Quy trình công nghệ sản xuất nước sạch: Nước mặt sông Cần Thơ → Trạm bơm cấp 1, trạm này có cụm 1, 2 và cụm 3, 4, với 02 quy trình cụ thể như sau:

. Cụm 1, 2 → Bể trộn, bể phản ứng, bể lắng Lamella, bể lọc → Bể nước sạch → Trạm bơm cấp 2 → Mạng phân phối.

. Cụm 3, 4 → Lọc tiếp xúc rửa ngược → Bể chứa nước sạch → Mạng phân phối.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này (nếu có).

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày ...26. tháng 8 năm 2032).

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Ninh Kiều tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. */s/*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ NN&MT;
- CT UBND thành phố;
- Cty CP Cấp thoát nước Cần Thơ;
- Công Thông tin điện tử TP;
- VP UBND TP (2H);
- Lưu: VT.vk

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Signature]
Trần Chí Hùng

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 17 /GPMT-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn 1: Nước thải sinh hoạt (nước thải từ nhà vệ sinh, rửa tay chân).
 Lưu lượng phát sinh tối đa 1,8 m³/ngàyđêm.

- Nguồn 2: Nước thải sản xuất (nước thải từ quá trình rửa lắng, lọc). Lưu
 lượng phát sinh tối đa 300 m³/ngàyđêm.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước
 thải, vị trí xả nước thải**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

- Nước thải sinh hoạt => hầm tự hoại => hồ thu gom và xử lý nước thải sinh
 hoạt (Cột A, QCVN14:2008/BTNMT) => thải ra cống thoát nước đô thị.

- Nước thải sản xuất (nước thải từ quá trình rửa lọc và xả cặn bể lắng) =>
 Hệ thống xử lý nước thải => Nước thải sau ép bùn (Cột A, QCVN40:2021/BTNMT
 Kq=1,2; Kf=1,1) => 05 bể lắng bùn => thải ra sông Cần Thơ.

2.2. Vị trí xả thải

- Nước thải sinh hoạt: Hồ ga đầu nối nước thải với cống thoát nước đô thị
 đường 30/4 (Toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°, cụ thể:
 X=1108597; Y=584549).

- Nước thải sản xuất: Cửa xả sau công trình xử lý nước thải sản xuất tại vị
 trí bơm nước khi thải ra nguồn tiếp nhận là sông Cần Thơ (Toạ độ VN2000, kinh
 tuyến trực 105°, múi chiều 3°, cụ thể: X=1108547; Y=584708).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất

- Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng phát sinh tối đa 1,8 m³/ngàyđêm.

- Nước thải sản xuất: Lưu lượng phát sinh tối đa 300 m³/ngàyđêm.

2.4. Phương thức xả nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Tự chảy.

- Nước thải sản xuất: Bơm điện.

2.5. Chế độ xả nước thải

- Nước thải sản xuất: 02 lần/ngày.

**2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả ra bên ngoài phải bảo đảm đáp ứng
 yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước
 thải**

- Nước thải sinh hoạt: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN14:2008/BTNMT (Cột A, $C_{\max}$), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT, (Cột A, $C_{\max}$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng quan trắc, cơ sở đề xuất thực hiện quan trắc 06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục
2	Chất rắn lơ lửng	mg/l	60		
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36		
4	Sunfua	mg/l	1,2		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	6		
6	Tổng nitơ	mg/l	36		
7	Tổng phospho (tính theo P)	mg/l	7,2		
8	Coliform	MPN/100ml	3.000		

- Nước thải sản xuất: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A, $K_q=1,2$; $K_f=1,1$), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A; $K_q=1,2$; $K_f=1,1$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	mg/l	6-9	Cơ sở đề xuất thực hiện quan trắc 06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục
2	Chất rắn lơ lửng	mg/l	66		
3	BOD ₅ 20°C	mg/l	39,6		
4	COD	mg/l	99		
5	Amoni	mg/l	6,6		
6	Tổng Nitơ	mg/l	26,4		
7	Tổng Phospho	mg/l	5,28		
8	Coliform	MPN/100ml	3.000		
9	Sunfua	mg/l	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải => hầm tự hoại => hố thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt => thải ra cống thoát nước đô thị.

- Nước thải sản xuất: Nước thải => Hệ thống xử lý nước thải => Máy ép bùn => 05 bể lắng bùn => thải ra sông Cần Thơ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Nước thải sinh hoạt

- Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh được thu gom về hầm tự hoại bố trí ngầm (hiệu suất xử lý khoảng 70% BOD so với đầu vào), nước thải từ hầm tự hoại được dẫn bằng đường ống PVC Ø114 vào hố thu gom và xử lý, nước thải sinh hoạt sau xử lý chảy vào cống thoát nước đô thị đường 30/4.

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Bể tự hoại hình chữ nhật, kết cấu bê tông cốt thép không thấm và không phát sinh mùi, bố trí ngầm.

+ Kích thước bể: 4m x 5m x 2m, thể tích 40 m³. Dung tích bể tự hoại được thiết kế phù hợp với lượng nước thải sinh hoạt phát sinh.

+ Hố xử lý sau hầm tự hoại với kích thước 1,2 x 0,6 x 1,0 (vật liệu lọc gồm than được và sỏi).

1.2.2. Nước thải sản xuất

- Nước thải sản xuất → Hố thu bùn → Thiết bị trộn nước thải với PAC → Thiết bị hoà trộn nhanh sơ lắng → Máy ép bùn → Nước thải tuần hoàn vào hố thu bùn

Bảng: Thông số kỹ thuật công trình xử lý nước thải tại nhà máy

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật		Vật liệu
1	Hố thu bùn	Chiều dài xây dựng	22 m	BTCT
		Chiều rộng xây dựng	10 m	
		Chiều cao xây dựng	2,5 m	
2	Bể lắng bùn (05 bể)	Chiều dài xây dựng mỗi bể	27 - 20,6 - 20,45 m	BTCT
		Chiều rộng xây dựng mỗi bể	11,5 m	
		Chiều cao xây dựng mỗi bể	2,0 m	
3	Bể thu nước thải sau xử lý	Chiều dài xây dựng	20 m	BTCT
		Chiều rộng xây dựng	4,2 m	
		Chiều cao xây dựng	2 m	

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Xây dựng các biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải. Bố trí nhân sự vận hành và theo dõi thường xuyên hoạt động của hệ thống.

- Vận hành hệ thống theo quy trình hướng dẫn, tuân thủ đúng các yêu cầu thiết kế và vận hành hệ thống; kiểm tra, bảo trì các thiết bị, đường ống định kỳ.

- Nhân viên vận hành được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, đồng thời đào tạo khả năng ứng phó sự cố tại chỗ.

- Thu mẫu quan trắc định kỳ kiểm tra chất lượng nước thải đầu ra theo quy định.

- Đảm bảo hoạt động liên tục, có đồng hồ đo lưu lượng và theo dõi vận hành hệ thống hàng ngày.

- Trường hợp gặp sự cố, có biện pháp bố trí bồn, bể lưu chứa nước thải tạm thời chờ khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi (nếu có): -

3.3. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án đầu tư, cơ sở phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

3.4. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo (nếu có): -

3.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có): -

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 17 /GPMT-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Máy phát điện dự phòng.
2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt
2	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	Từ 6-18 giờ	Từ 18-6 giờ	-	Khu vực đặc biệt
	75	Mức nền		
2	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	-	Khu vực thông thường
	75	Mức nền		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Đảm bảo độ phẳng/độ cân bằng của nền và thiết bị từ quá trình lắp đặt; lắp các đệm cao su/lò xo chống rung để độ ồn, rung được giảm tối thiểu.
- Trước khi vận hành cần kiểm tra đầy đủ công tác an toàn, đồng thời cần tuân thủ nghiêm ngặt quy trình lắp đặt vận hành của nhà sản xuất.
- Công nhân làm việc được trang bị đầy đủ các phương tiện chống ồn (nút bịt tay, mũ, quần áo bảo hộ...).
- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- 2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: -
- 2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: -

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 17 /GPMT-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:
 Tổng lượng chất thải nguy hại khoảng 10 kg/năm, danh mục gồm các chất sau:

Chủng loại	Mã CTNH	Tổng khối lượng (kg/năm)	Công trình lưu giữ	Công trình xử lý
Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	04	Kho chứa tại cơ sở (diện tích 28,8 m ²)	Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý (Hợp đồng số 380/2022D/HĐKT/VX-CTN3CS và Phụ lục HĐ 02 với Công ty TNHH SX - TM - DV Môi trường Việt Xanh)
Giẻ lau dính dầu, nhớt	18 02 01	05		
Pin dùng cho bộ điều khiển máy lạnh	19 06 01	01		
Tổng số lượng		10		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

- Bùn thải sau xử lý nước thải sản xuất đã được lấy mẫu phân tích có các thông số đạt theo QCVN50:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước, được phân định là chất thải rắn thông thường theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Khối lượng: 1.019 m³/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu từ hoạt động văn phòng làm việc, gồm hộp xốp đựng thức ăn, giấy vụn, túi ni lông.

- Lượng phát sinh trung bình khoảng 43kg/tháng (1,3kg/ngày).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy được phân loại tại nguồn, được lưu trữ khu vực riêng và có dán nhãn theo quy định.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- Công trình lưu giữ: Kho chứa tại cơ sở (diện tích 28,8 m²).

- Biện pháp thu gom, xử lý: Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý (Hợp đồng số 380/2022D/HĐKT/VX-CTN3CS và Phụ lục HĐ 02 với Công ty TNHH SX - TM - DV Môi trường Việt Xanh).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: -

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời

- Bùn sau khi được ép khô thì được vận chuyển về nơi tiếp nhận cuối cùng là Nhà máy xử lý nước thải Cái Sâu để san lấp mặt bằng. Vì diện tích nhà máy nước thải Cái Sâu rất lớn gần 24,9 ha, với lượng bùn thải ra 85 m³/tháng thì đến 15-20 năm sau mới đầy. Công ty sẽ tiếp các phương án tiếp theo.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Nhà máy có bố trí các thùng rác và chất thải rắn sinh hoạt được chứa trong thùng rác đặt đúng nơi quy định và thu gom định kỳ với Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ; đồng thời gửi chứng từ thanh toán hàng quý.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải

3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại: -

3.2. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt: -

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện và cung cấp nội dung kế hoạch ứng phó sự cố môi trường cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 108, Điều 109 và Điều 110 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Chủ dự án thực hiện một số nội dung sau:

Nhằm giảm thiểu ô nhiễm đối với nước thải phát sinh tại Nhà máy nước Cần Thơ 1, nên Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ có những phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường như sau:

* Nước mặt khai thác sử dụng (nước sông Cần Thơ)

- Nhà máy thường xuyên kiểm tra, theo dõi chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác, sử dụng.

- Bảo vệ nguồn nước mặt khai thác, theo dõi, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước.

- Kịp thời ngăn chặn, đồng thời báo cáo ngay đến chính quyền địa phương nơi gần nhất để xử lý các trường hợp phát hiện hành vi gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác nước của công trình và

các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước khác trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước của công trình khai thác.

- Tuân thủ các quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước.

*** Nước thải sản xuất**

- Khu vực phát sinh nước thải được thiết kế, lắp đặt hệ thống thu gom riêng biệt, dẫn về công trình xử lý nước thải, nhằm đảm bảo thu gom lượng nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Nhà máy.

- Phân công công nhân trực vận hành công trình xử lý nước thải, bất kỳ có biểu hiện bất thường nào của công trình xử lý nước thải đều được phát hiện, khắc phục kịp thời.

- Khi có sự cố môi trường bất ngờ xảy ra nhà máy có bố trí người phụ trách để đảm bảo an toàn cho người và tài sản, tổ chức cứu người, tài sản và kịp thời thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước nhanh nhất.

- Trong quá trình hoạt động của nhà máy định kỳ tiến hành lấy mẫu phân tích/kiểm tra chất lượng nguồn nước (nước thải sau xử lý) tại Nhà máy nước Cần Thơ 1 để kiểm soát, ngăn ngừa các chỉ tiêu ô nhiễm bị vượt và báo cáo về cơ quan quản lý Nhà nước.

*** Sự cố cháy nổ, chập điện**

- Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa được bố trí an toàn trong hộp cách điện để hạn chế việc rò rỉ điện.

- Kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động của các máy móc, vị trí kết nối giữa nguồn điện và thiết bị để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Thường xuyên định kỳ kiểm tra các mối nối, xiết chặt các chỗ đường dây nối vào thiết bị đóng cắt. Trên tủ điện chung nên có đặt rơ le bảo vệ điện áp thấp, dụng cụ đo Volt hay bóng đèn chỉ thị, để vận hành viên theo dõi. Các động cơ cần đặt rơ le nhiệt bảo vệ quá dòng và bảo vệ mất cân bằng dòng 3 pha.

- Sử dụng vật liệu cách điện tốt, lắp đặt các rơ le bảo vệ quá tải nhằm tránh hiện tượng điện quá tải kéo dài, giữ gìn môi trường khô ráo, sạch sẽ không hóa chất, không ẩm. Các thiết bị điện và dây cáp là loại chịu được môi trường khắc nghiệt. Dây cáp điện được chôn ngầm dưới đất và lót cáp tại đoạn chôn ngầm và được bảo vệ cơ học.

- Các đường dây không lắp đặt trực tiếp lên sườn sắt của nhà xưởng và tránh các thiết bị có rung động thường xuyên.

- Lắp đặt thiết bị bảo vệ ngắn mạch như áp tô mát, cầu chì, hoặc rơ le quá dòng tốc độ cao.

*** Các phương án phòng chống cháy nổ**

Nhà máy đã lắp đặt hệ thống đường ống cấp nước, vòi chữa cháy dọc nhà xưởng để cung cấp cho hoạt động PCCC và trang bị các phương tiện PCCC: như bình bột, xẻng xút cát, thùng đựng cát để phục vụ cho công tác PCCC. Ngoài các biện pháp kỹ thuật, Công ty còn lập kế hoạch ngăn ngừa và thành lập đội PCCC và cứu nạn cứu hộ tại chỗ từ đội ngũ các công nhân viên trong nhà máy. Kế hoạch

ngăn ngừa và ứng phó cháy nổ sẽ được thực hiện song song với việc phòng ngừa sự cố rò rỉ điện, cụ thể như sau:

- Các hạng mục công trình của nhà máy được thiết kế hệ thống PCCC về mặt kiến trúc, công trình đã bố trí các hạng mục kỹ thuật báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy, chống sét theo đúng yêu cầu và quy định của các cơ quan quản lý chức năng.

- Trong khu vực sản xuất, kho chứa nguyên liệu, sản phẩm được lắp đặt hệ thống báo cháy. Các phương tiện phòng chống cháy luôn được kiểm tra thường xuyên và luôn ở trong tình trạng sẵn sàng.

- Các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất của công ty sẽ có hồ sơ lý lịch đi kèm (nguồn gốc, các thông số kỹ thuật) và thường xuyên được kiểm tra giám sát tình trạng hoạt động các thiết bị này.

- Bố trí các sơ đồ thoát hiểm tại khu vực dễ quan sát.

- Hệ thống chống sét được lắp đặt tại nhà máy được thiết kế theo TCVN 9385: 2012. Để đảm bảo an toàn và hiệu quả, nhà máy lắp đặt hệ thống chống sét đánh thẳng, sử dụng 01 kim thu sét loại chủ động, bán kính bảo vệ của đầu kim $R_p=175m$, đế đỡ kim thu sét dài 5m bằng ống sét tráng kẽm nối với kim.

- Số lượng các thiết bị PCCC đã trang bị được tính toán và lắp đặt dựa trên diện tích nhà máy, đặc trưng của quá trình sản xuất và khối lượng chất cháy nổ lưu trữ thường xuyên tại nhà máy theo phương án PCCC đã được phê duyệt.

- Thường xuyên tuyên truyền, nâng cao ý thức phòng cháy chữa cháy cho cán bộ công nhân viên bằng cách dán băng rôn, băng hiệu đề phòng sự cố cháy. Huấn luyện cho toàn thể cán bộ công nhân viên các biện pháp phòng cháy chữa cháy khi có sự cố xảy ra.

- Sắp xếp cách bố trí máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn gàng và có khoảng cách an toàn cho công nhân làm việc khi có sự cố xảy ra.

- Hết giờ làm việc trước khi ra về cán bộ, công nhân viên chức luôn có ý thức và trách nhiệm tắt hết các đèn, quạt và kiểm tra tình trạng an toàn phòng cháy, chữa cháy khu vực làm việc.

- Tổ chức phương án PCCC cho cán bộ người lao động Công ty hàng năm.

- Ban hành các nội quy an toàn và phổ biến công khai trong khuôn viên nhà máy, cấm tuyệt đối hút thuốc tại các phân xưởng, nhà kho, bố trí các sơ đồ thoát hiểm trong khuôn viên nhà máy ở nơi dễ nhìn thấy.

- Kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động của các phương tiện PCCC (hệ thống ống dẫn nước, bơm nước, bể nước, các bình chữa cháy cầm tay...) định kỳ hàng tháng.

* Quy trình ứng phó sự cố

- Hằng năm, cơ sở cử cán bộ phụ trách an toàn và những người lao động trực tiếp làm việc với hóa chất tham gia các khóa đào tạo an toàn môi trường hóa chất, các khóa đào tạo công tác phòng cháy chữa cháy của Công an Phòng cháy chữa cháy và tập huấn an toàn lao động.

- Những nhân viên không trực tiếp làm việc với hóa chất cũng sẽ được Cơ sở phổ biến các biện pháp xử lý và ứng phó với sự cố nếu gặp phải tình huống bất ngờ. Định kỳ thực tập phương án PCCC và khi có yêu cầu của đơn vị chức năng.

* Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn đổ, rò rỉ hoá chất:

Nhà máy có sử dụng PAC (keo tụ), Chlorine (khử trùng). Để phòng ngừa và giảm thiểu các sự cố môi trường liên quan đến kho chứa hóa chất, nhà máy đã có phương án cụ thể như sau:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động phù hợp với tính chất công việc khi tiếp xúc, sử dụng hoá chất tại các phòng kiểm nghiệm.

- Lưu trữ, bảo quản an toàn hoá chất ở khu vực quy định, cách xa khu vực văn phòng làm việc.

- Nhà máy xây dựng kho chứa hoá chất đúng theo quy định, có biển cảnh báo, có danh mục các hoá chất dán trước kho, hoá chất được bố trí lên các pallet, có bình chữa cháy, thùng cát, xẻng đặt tại kho chứa, có gờ ngăn chống tràn trước cửa, phân loại hoá chất theo 2 dạng lỏng, rắn trong kho.

- Các vật dụng dễ cháy nổ được đặt cách ly khu vực lưu trữ hoá chất.

- Thực hiện đúng các quy định về sử dụng, bảo quản hóa chất và các yêu cầu khi làm việc, tiếp xúc với hóa chất theo quy định tại QCVN 05A:2020/BCT-An toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

* Hệ thống cảm biến clo rò rỉ và tháp trung hòa xử lý

Khi có sự cố rò rỉ Clo, toàn bộ quạt thông gió của nhà Clo sẽ ngừng chạy. Clo nặng hơn không khí do vậy hơi Clo rò rỉ sẽ ở sát mặt đất. Hơi Clo rò rỉ phát tán sẽ được hút nhanh bằng quạt hút hơi Clo của hệ thống trung hòa công suất từ 3.000 m³/h đến 4.000 m³/h qua tháp trung hòa. Tháp trung hòa Clo được thiết kế tháp đơn để đảm bảo độ an toàn và hiệu quả của quy trình.

Tháp trung hòa được tính toán và thiết kế đặc thù cho việc trung hòa Clo, trong tháp có lắp đặt hệ thống phân phối đều hóa chất và lắp đặt vật liệu tiếp xúc (với độ rỗng, kích thước và chiều cao thích hợp) để tăng bề mặt tiếp xúc, khả năng trung hòa Clo một cách triệt để.

Trong tháp trung hòa hơi Clo được trung hòa bằng dung dịch xút (NaOH 20%/ Độ pH 7 - 11) được bơm từ bơm hóa chất, sẽ tạo thành dung dịch muối (NaCl) và không khí được làm trong sạch trở lại với hiệu quả 98 - 99%, sau đó được đưa thẳng lên trời qua ống thông khí.

* Trình tự hoạt động của hệ thống hoàn toàn tự động và diễn ra như sau

Sensor báo clo rò rỉ ghi nhận nước clo rò rỉ cao thông thường từ 0.5- 1 ppm. Tín hiệu sẽ được gửi về tủ điều khiển.

- Tủ điện điều khiển, quạt hút clo rò rỉ và bơm hóa chất trung hòa NaOH 20% sẽ được đặt lên chạy tự động. Còi và đèn báo động sẽ bật lên.

- Quá trình hút clo và trung hòa NaOH diễn ra liên tục cho đến khi hàm lượng clo rò rỉ trong không khí (trong nhà clo) xuống mức thấp nhất, thông thường từ 0.0 - 0.1 ppm.

- Quá trình hút clo và trung hòa NaOH diễn ra liên tục cho đến khi hàm lượng clo rò rỉ

trong không khí (trong nhà clo) xuống mức thấp nhất, thông thường từ 0.0 - 0.1 ppm.

- Khí clo được hút sạch, sensor báo clo rò rỉ sẽ ghi nhận tín hiệu và bơm NaOH, quạt hút clo sẽ tự động tắt.

* Kế hoạch bảo trì: Định kì cuối năm Tổ cơ điện có kế hoạch kiểm tra bảo dưỡng: quạt hút không khí, máy bơm nước và thay NaOH 20%. Vận hành bảo dưỡng 15 phút và bàn giao lại cho nhà máy.

* Quy trình vận chuyển hoá chất an toàn

Những người có liên quan đến việc vận chuyển hóa chất cần phải tuân thủ một số quy định về an toàn trong vận chuyển như sau:

- Trước khi tiếp nhận hóa chất, nhân viên phải kiểm tra lại bao bì, nhãn hiệu;

- Phải biết rõ tính chất hóa lý của hóa chất, biện pháp đề phòng và cách giải quyết các sự cố cháy, nổ, tỏa hơi khí độc. Nhân viên vận chuyển phải mang theo đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân;

- Tất cả cá thiết bị dùng để vận chuyển hóa chất không được hư hỏng hay bị rò rỉ;

- Phải vận chuyển hóa chất cùng với các tài liệu cung cấp thông tin về hóa chất như nhãn, bản dữ liệu an toàn,...;

- Khi xảy ra sự cố phải báo ngay với cơ quan lao động, y tế, công an để có biện pháp giải quyết kịp thời;

- Nhân viên chịu trách nhiệm tiếp nhận, vận chuyển hóa chất phải: hướng dẫn cụ thể cho các thanh viên khác vị trí tiếp nhận, đặc điểm lộ trình, thời gian vận chuyển và nội qui giao hàng vào kho...

* Sơ cứu khi bị nhiễm hóa chất

Việc sơ cứu khi bị nhiễm độc hóa chất là điều tối thiểu cần thiết trong trường hợp xảy ra sự cố. Vì vậy, một số biện pháp sơ cứu cụ thể có thể tham khảo như sau:

- Trường hợp hít vào: Cần nhanh chóng đưa nạn nhân đến chỗ có không khí sạch, thực hiện hô hấp nhân tạo và gọi cho bác sĩ;

- Trường hợp tiếp xúc lên da nhanh chóng tháo bỏ quần áo và giày bị nhiễm, rửa bằng xà phòng và chất tẩy rửa với khối lượng nước lớn trong 15 - 20 phút và gọi bác sĩ ngay;

- Trường hợp bị rơi vào mắt: Rửa mắt ngay bằng nước sạch càng lâu càng tốt, liên tục rửa hai mí mắt khoảng 15 - 20 phút và gọi bác sĩ;

- Trường hợp bị nhiễm vào cơ thể: Chuyển đến bệnh viện gần nhất.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 17 /GPMT-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG: -

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC: -

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG): -

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hoạt động bảo vệ môi trường.

2. Sau khi được cấp Giấy phép môi trường, chủ cơ sở phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm toàn bộ dự án để đánh giá phù hợp và đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chủ đầu tư phải tuân thủ yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Giấy phép môi trường và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện đồng bộ các biện pháp giảm thiểu bụi, mùi, khí thải phát sinh trong khuôn viên nhà máy và môi trường xung quanh; thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt và vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình.

4. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường đã cấp thì phải thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường./.



Số: 2265/MT/0764/1225

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 31/12/2025
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải sinh hoạt
Vị trí lấy mẫu: Sau hệ thống xử lý
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ
Địa chỉ: Số 2A, Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ (Nhà máy nước Cần Thơ 1)
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 01 lít x 2 chai)
3. Ngày nhận mẫu : 02/12/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 02/12/2025 đến 29/12/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CẦN THƠ
Số 08 đường Nguyễn Văn Cừ, KV8, phường An Bình, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Không
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Hàm lượng Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL = 0,02)
2	(#) pH	-	SMEWW 4500-H ⁺ .B:2023	7,14 (tại 25,3°C)
3	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	16
4	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	8
5	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	21,00
6	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL = 0,70)
7	Hàm lượng tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	6,12
8	Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	KPH (MDL = 0,02)
9	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	< 1,8 ^(a)

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (#) Kết quả chỉ có giá trị tham khảo, kết quả có giá trị pháp lý khi được quan trắc hiện trường bởi tổ chức có giấy chứng nhận VIMCERTS; - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - ^(a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo lường Chất Lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



Số: 219/732/N/0625 **KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** Ngày trả: 17/6/2025

Khách hàng (Cơ quan): Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ

Địa chỉ: Số 2A Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ

Ngày thu/nhận mẫu: 04/6/2025

Ngày thử nghiệm: 04/6/2025

Loại mẫu (ký hiệu): Nước thải (Nhà máy nước Cần Thơ 1 – Số lượng: 01
Nước thải sau xử lý 04/6/2025)

Tình trạng mẫu: Bình thường

Lưu mẫu: ☒ Không; ☐ Có, đến ngày:

Đo đạc hiện trường: Không

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả
1	pH (#)	-	TCVN 6492:2011	7,07
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	5
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	10,4
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	16
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	KPH (MDL=0,16)
6	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	1,6
7	Tổng Phốtpho	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2017	0,06
8	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,02)
9	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	4,6x10 ¹

Ghi chú: thực hiện theo Giấy chứng nhận số 28/GCN-BTNMT ngày 29/8/2022 (mã số VIMCERTS 131).
(#) kết quả có giá trị tham khảo; “KPH”: không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện.

**TRƯỞNG PHÒNG QUAN TRẮC VÀ
THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG**

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Luân

Đoàn Thanh Tâm

1.Tên mẫu, ký hiệu mẫu ghi theo yêu cầu của khách hàng; 2.Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, không lưu mẫu; 3. Khi khách hàng có yêu cầu lưu, Trung tâm sẽ lưu theo các điều kiện thích hợp với tính chất của mẫu và thông thường mẫu được lưu 5 (năm) ngày tính từ ngày Trung tâm ký ban hành Phiếu QOTN.



Số: 2262/MT/0764/1225

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 31/12/2025
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải (1)
Vị trí lấy mẫu: Nước mặt sông Cần Thơ
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ
Địa chỉ: Số 2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ (Nhà máy nước Cần Thơ 1).
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 02 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 02/12/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 02/12/2025 đến 29/12/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CẦN THƠ**
Số 08 đường Nguyễn Văn Cừ, KV8, phường An Bình, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Không
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Hàm lượng Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL = 0,02)
2	(#) pH	-	SMEWW 4500-H ⁺ .B:2023	7,74 (tại 25,3°C)
3	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	15
4	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	7
5	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	23,00
6	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL = 0,70)
7	Hàm lượng tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	6,72
8	Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	KPH (MDL = 0,02)
9	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	< 1,8 ^(a)

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (#) Kết quả chỉ có giá trị tham khảo, kết quả có giá trị pháp lý khi được quan trắc hiện trường bởi tổ chức có giấy chứng nhận VIMCERTS; - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - ^(a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

K.T. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only. 2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.